ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1336/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 05 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phương án cân đối ngân sách cấp tỉnh năm 2019; xử lý nguồn kinh phí hủy dự toán năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Công văn số 11456/BTC-NSNN ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách địa phương những tháng cuối năm 2019;

Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 2159-TB/TU ngày 05 tháng 5 năm 2020 về phương án cân đối ngân sách cấp tỉnh năm 2019, xử lý nguồn kinh phí hủy dự toán năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 269/NQ-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phương án cân đối ngân sách cấp tỉnh năm 2019; xử lý nguồn kinh phí hủy dự toán năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 110/TTr-STC ngày 23 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phương án cân đối ngân sách cấp tỉnh năm 2019 như sau:

1. Thu cân đối ngân sách cấp tỉnh năm 2019 (trừ thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết) giảm thu 209,41 tỷ đồng.

2. Phương án cân đối ngân sách cấp tỉnh năm 2019

a) Sử dụng nguồn lực tài chính của địa phương: 98,293 tỷ đồng

- Kết dư ngân sách tỉnh (sử dụng kết dư năm 2018): 28,893 tỷ đồng *(kết dư chuyển vào thu 2019: 41,716 tỷ đồng; đã sử dụng: 12,823 tỷ đồng; còn dư 28,893 tỷ đồng).*

- Quỹ dự trữ tài chính (không quá 70%): 22 tỷ đồng *(dư đầu năm: 72,3 tỷ đồng; đã sử dụng cho dịch tả lợn Châu Phi: 20,2 tỷ đồng; còn dư: 52,1 tỷ đồng).*

- Dự phòng ngân sách tỉnh 2019: 47,4 tỷ đồng *(dự toán 2019: 81 tỷ; đã sử dụng: 33,6 tỷ đồng, còn dư: 47,4 tỷ đồng).*

b) Cơ cấu lại nhiệm vụ chi năm 2019: 22 tỷ đồng

Điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu tư tập trung (nguồn đầu tư trong cân đối) của các công trình sang nguồn thu tiền sử dụng đất: 22 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo)

c) Giãn, hủy một số nhiệm vụ chi không tự chủ: 89,117 tỷ đồng

- Giãn một số nhiệm vụ chi không tự chủ của các đơn vị khối tỉnh sang thực hiện chi năm 2020 (đã được bố trí dự toán ngân sách năm 2020): 54,999 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)

- Chi khác ngân sách cấp tỉnh còn dư: 3,118 tỷ đồng.

- Hủy một số nhiệm vụ chi không tự chủ của các đơn vị khối tỉnh (trừ lương và các khoản đóng góp theo lương, các khoản chi cho con người, đảm bảo xã hội): 31 tỷ đồng (Theo Điều 2).

Điều 2. Xử lý nguồn kinh phí hủy dự toán năm 2019 như sau:

1. Kết thúc niên độ ngân sách năm 2019, dự toán của các đơn vị bị hủy do không đủ điều kiện chuyển nguồn: 86,534 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục III kèm theo)

2. Nguồn kinh phí hủy dự toán tại Khoản 1 Điều này được xử lý như sau:

a) Hoàn trả tồn quỹ ngân sách tỉnh (tương ứng với phần tồn quỹ ngân sách tỉnh đã sử dụng để đảm bảo nhiệm vụ chi 2018 giãn sang 2019): 55,511 tỷ đồng.

b) Sử dụng bù giảm thu ngân sách cấp tỉnh năm 2019: 31 tỷ đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hưng Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P. TH[Cầm].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Đặng Ngọc Quỳnh

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 05/06/2020 16:29:37

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH NGUỒN CÁC CÔNG TRÌNH

TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG NĂM 2019 SANG NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1336 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2019 nguồn ngân sách tập trung (đồng)	Đã thanh toán (đồng)	Điều chỉnh sang nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2019 (đồng)
	TỔNG CỘNG	**22.000.000.000**	**22.000.000.000**	**22.000.000.000**
	Ngành Giao thông			
1	Cải tạo, nâng cấp ĐH 31 và đoạn đầu tuyến ĐH 30 huyện Mỹ Hào	9.000 000.000	9.000 000.000	9.000 000.000
2	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.64 huyện Ân Thi	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
3	Đầu tư XĐ công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.15 đoạn Km4+500-Km7+050, huyện Văn Lâm	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000

Phụ lục II

NHIỆM VỤ CHI NĂM 2019 GIÃN SANG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 1336 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Nhiệm vụ chi giãn	Số tiền (đồng)
	TỔNG CỘNG	**54.999.000.000**
1	**Sở Y tế**	**26.448.363.400**
	- Mua sắm trang thiết bị y tế	10.800.000.000
	- Mua sắm vật tư, hóa chất, tài sản, TTB y tế …	10.144.800.000
	- Kinh phí triển khai lập hồ sơ khám, quản lý sức khỏe toàn dân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	5.503.563.400
	- Các nội dung chi còn lại hủy	
2	**Sở Khoa học và Công nghệ**	**13.834.083.301**
	- Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	13.834.083.301
3	**Sở Tài nguyên và Môi trường**	**14.716.553.299**
	- Đề án nâng cao năng lực quan trắc môi trường	14.716.553.299

Phụ lục III

NHIỆM VỤ CHI NĂM 2019 BỊ HỦY DỰ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số 1336 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Nhiệm vụ chi bị hủy dự toán	Số tiền (đồng)
	TỔNG CỘNG	**86.534.085.600**
A	**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**	**1.298.749.438**
I	**Nguồn vốn XDCB tập trung**	**166.542.038**
	Xây dựng cải tạo trạm bơm Quán Đỏ, huyện Phù Cừ và trạm bơm lệ xá huyện Tiên Lữ	109.000
	Xây dựng cầu Tráng Vũ xã Đồng Than Huyện Yên Mỹ	69.000
	Cải tạo, nâng cấp ĐH.73, huyện Kim Động	50.436.000
	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.82 đoạn từ cầu Bến (6+440-cầu Quán Thu (Km8+750)	36.000.000
	Nâng cấp, mở rộng đường gom (bên phải) đường cao tốc HN-HP (đoạn từ đường nối đường cao tốc HN-HP với ĐCT cầu Giẽ-Ninh Bình đến giao với ĐT.376)	293.000
	Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng trường PTTH Yên Mỹ	43.815.000
	Đầu tư thiết bị SX chương trình và truyền dẫn phát sóng của Đài PTTH Hưng Yên	227.588
	Công viên cây xanh quảng trường trung tâm tỉnh Hưng Yên	5.111.802
	Cải tạo sửa chữa ,bảo tồn công trình Nhà thành,thành phố Hưng Yên	20.905.364
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT 6 xã; Thắng Lợi huyện văn Giang; Đại Tập huyện Khoái Châu; Quảng Châu TP hưng Yên; Phú Thịnh huyện Kim Động; Thụy Lôi huyện Tiên Lữ; Nguyên Hòa huyện Phù cừ.	9.575.284
II	**Nguồn thu tiền sử dụng đất**	**55.049.000**
	Nhà lớp học lý thuyết trường phổ thông trung học Phù Cừ	44.485.000
	Trường THCS xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ	10.564.000
III	**Nguồn kéo dài**	
1	**Nguồn vốn tập trung kéo dài**	**945.264.000**
	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.65 huyện Ân Thi	186.870.000
	Cầu Bình Phú trên ĐT.381, huyện Yên Mỹ	642.509.000
	Trường tiểu học Tân Việt	54.314.000
	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Văn Giang	61.549.000
	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên	22.000
2	**Nguồn thu sử dụng đất chuyển nguồn**	**131.894.400**
	Trường MN xã Yên Hòa huyện Yên Mỹ	6.769.000
	Trường MN xã Đồng Than huyện Yên Mỹ	1.576.000
	Trường MN xã Trung Hòa huyện Yên Mỹ	3.414.000
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hồng Vân huyện Ân Thi	120.135.400

B	**NGUỒN VỐN THƯỜNG XUYÊN CÁC ĐƠN VỊ KHỐI TỈNH**	**85.235.336.162**
I	**Hủy số dư tài khoản tiền gửi của 1 số đơn vị**	**19.000.000.000**
II	**Giảm trợ cấp cân đối 03 huyện**	**17.300.000.000**
III	**Các nhiệm vụ chi Ns tỉnh**	**48.935.336.162**
1	**Sở Kế hoạch và đầu tư**	**840.890.100**
1.1	***Cơ quan Sở Kế hoạch & Đầu tư***	***840.882.900***
	Các nội dung chi còn lại hủy	840.882.900
1.2	***Trung tâm xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp***	***7.200***
	Các nội dung chi còn lại hủy	7.200
2	**Sở Nội vụ**	**3.483.750.372**
2.1	***Cơ quan Sở Nội vụ***	***3.320.842.534***
	Các nội dung chi còn lại hủy	3.320.842.534
2.2	***Ban thi đua khen thưởng***	***122.428.299***
	Các nội dung chi còn lại hủy	122.428.299
2.3	***Ban Tôn giáo***	***3.044.984***
	Các nội dung chi còn lại hủy	3.044.984
2.4	***Chi cục Văn thư Lưu trữ***	***20.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	20.000
2.5	***Trung tâm Lưu trữ lịch sử***	***37.414.555***
	Các nội dung chi còn lại hủy	37.414.555
3	**Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh**	**7.335.000**
	Các nội dung chi còn lại hủy	7.335.000
4	**Trường Cao đẳng y tế**	**718.000**
	Các nội dung chi còn lại hủy	718.000
5	**Sở Y tế**	**11.564.803.674**
5.1	***Cơ quan Sở Y tế***	***307.936.588***
	- Các nội dung chi còn lại hủy	307.936.588
5.2	***Bệnh viện đa khoa tỉnh***	***4.457.141.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	4.457.141.000
5.3	***Bệnh viện đa khoa Phố Nối***	***181.500.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	181.500.000
5.4	***Bệnh viện Sản - Nhi***	***7.642.014***
	Các nội dung chi còn lại hủy	7.642.014
5.5	***Bệnh viện Mắt***	***18.003.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	18.003.000
5.6	***Bệnh viện tâm thần kinh***	***1.443.851.600***
	Các nội dung chi còn lại hủy	1.443.851.600
5.7	***Bệnh viện Bệnh nhiệt đới***	***143.579.069***
	Các nội dung chi còn lại hủy	143.579.069
5.8	***Trung tâm Giám định Y khoa***	***30.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	30.000
5.9	***Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh***	***3.704.218.118***
	Các nội dung chi còn lại hủy	3.704.218.118
5.10	***TT KN thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm***	***50.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	50.000
5.11	***Trung tâm Pháp y***	***792.000***

	Các nội dung chi còn lại hủy	792.000
5.12	***Chi cục dân số KHHGĐ***	***42.740.152***
	Các nội dung chi còn lại hủy	42.740.152
5.13	***Trung tâm y tế TP Hưng Yên***	***11.313.090***
	Các nội dung chi còn lại hủy	11.313.090
5.14	***Trung tâm y tế huyện Phù Cừ***	***1.425.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	1.425.000
5.15	***Trung tâm y tế huyện Kim Động***	***60.971.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	60.971.000
5.16	***Trung tâm y tế huyện Khoái Châu***	***4.415***
	Các nội dung chi còn lại hủy	4.415
5.17	***Trung tâm y tế huyện Mỹ Hào***	***9.983.150***
	- Các nội dung chi còn lại hủy	9.983.150
5.18	***Trung tâm y tế huyện Yên Mỹ***	***19.812.450***
	Các nội dung chi còn lại hủy	19.812.450
5.19	***Trung tâm y tế huyện Văn Lâm***	***20.865.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	20.865.000
5.20	***Trung tâm y tế huyện Văn Giang***	***32.547.600***
	Các nội dung chi còn lại hủy	32.547.600
5.21	***Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo***	***650.685.500***
	Các nội dung chi còn lại hủy	650.685.500
5.22	***Ban quản lý dự án Hỗ trợ y tế tỉnh Hưng Yên***	***449.712.928***
	Các nội dung chi còn lại hủy	449.712.928
6	**Ban quản lý khu Đại học Phố Hiến**	**18.876.080**
	Các nội dung chi còn lại hủy	18.876.080
7	**Ủy ban MTTQ tỉnh Hưng Yên**	**27.718.516**
	Các nội dung chi còn lại hủy	27.718.516
8	**Sở Công thương**	**1.627.484.800**
8.1	***Cơ quan Sở Công thương***	***1.623.454.800***
	Các nội dung chi còn lại hủy	1.623.454.800
8.2	***Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại***	***4.030.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	4.030.000
9	**Sở Nông nghiệp và PTNT**	**7.580.426.006**
9.1	***Cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT***	***1.011.733.991***
	Các nội dung chi còn lại hủy	1.011.733.991
9.2	***Chi cục Bảo vệ thực vật***	***60.200.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	60.200.000
9.3	***Chi cục Kiểm lâm***	***40.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	40.000
9.4	***Chi cục Phát triển nông thôn***	***121.324.880***
	Các nội dung chi còn lại hủy	121.324.880
9.5	***Chi cục QLCL nông lâm sản và thủy sản***	***2.185.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	2.185.000
9.6	***Chi cục Quản lý đê điều và PCLB***	***693.263.708***
	Các nội dung chi còn lại hủy	693.263.708
9.7	***Chi cục Thú y***	***5.205.652.889***
	Các nội dung chi còn lại hủy	5.205.652.889

9.8	***Chi cục Thủy lợi***	***28.592.638***
	Các nội dung chi còn lại hủy	28.592.638
9.9	***Chi cục Thủy sản***	***918.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	918.000
9.10	***Trung tâm Khuyến nông***	***456.494.900***
	Các nội dung chi còn lại hủy	456.494.900
9.11	***Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMT nông thôn***	***20.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	20.000
10	**Liên minh Hợp tác xã**	**173.667.300**
	Các nội dung chi còn lại hủy	173.667.300
11	**Sở Giao thông Vận tải**	**121.630.636**
11.1	***Cơ quan Sở Giao thông Vận tải***	***75.529.636***
	Các nội dung chi còn lại hủy	75.529.636
11.2	***Ban An toàn giao thông***	***38.601.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	38.601.000
11.3	***BQL bến xe, bến thủy***	***7.500.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	7.500.000
12	**Thanh tra tỉnh**	**66.119.000**
	Các nội dung chi còn lại hủy	66.119.000
13	**Sở Xây dựng**	**580.743.672**
13.1	***Cơ quan Sở Xây dựng***	***580.743.672***
	Các nội dung chi còn lại hủy	580.743.672
14	**Sở Thông tin và Truyền thông**	**338.552.100**
14.1	***Cơ quan Sở Thông tin và Truyền thông***	***327.687.615***
	Các nội dung chi còn lại hủy	327.687.615
14.2	***Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông***	***10.864.485***
	Các nội dung chi còn lại hủy	10.864.485
15	**BQL các khu Công nghiệp**	**40.000**
	Các nội dung chi còn lại hủy	40.000
16	**Sở Khoa học và Công nghệ**	**571.302.040**
16.1	***Cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ***	***19.416.190***
	- Các nội dung chi còn lại hủy	19.416.190
16.2	***Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng***	***4.319.100***
	- Các nội dung chi còn lại hủy	4.319.100
16.3	***Trung tâm kỹ thuật TC đo lường chất lượng***	***3.750.350***
	Các nội dung chi còn lại hủy	3.750.350
16.4	***Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ***	***81.567.400***
	Các nội dung chi còn lại hủy	81.567.400
16.5	***Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ***	***462.249.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	462.249.000
17	**Sở Tài chính**	**652.907.500**
	Các nội dung chi còn lại hủy	652.907.500
18	**Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**	**3.817.712.255**
18.1	***Cơ quan Văn phòng UBND tỉnh***	***3.812.371.255***
	Các nội dung chi còn lại hủy	3.812.371.255
18.2	***Trung tâm tin học - Công báo***	***5.341.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	5.341.000

19	**Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh**	**105.209.458**
	Các nội dung chi còn lại hủy	105.209.458
20	**Trường Cao đẳng cộng đồng Hưng Yên**	**513.392.841**
	Các nội dung chi còn lại hủy	513.392.841
21	**Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật**	**4.300.000**
	Các nội dung chi còn lại hủy	4.300.000
22	**Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**	**6.607.763.154**
22.1	***Cơ quan Sở Lao động, Thương binh và Xã hội***	***863.958.423***
	Các nội dung chi còn lại hủy	863.958.423
22.2	***Trung tâm Bảo trợ xã hội và công tác xã hội***	***1.773.318.200***
	Các nội dung chi còn lại hủy	1.773.318.200
22.3	***Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công***	***15.100.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	15.100.000
22.4	***Trung tâm Dịch vụ việc làm***	***216.321.800***
	Các nội dung chi còn lại hủy	216.321.800
22.5	***Cơ sở Điều trị Nghiện ma túy***	***1.448.313.065***
	Các nội dung chi còn lại hủy	1.448.313.065
22.6	***Trường PHCN và dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ***	***378.480.778***
	Các nội dung chi còn lại hủy	378.480.778
22.7	***Trường PHCN và dạy nghề cho người khuyết tật Khoái Châu***	***727.567.300***
	Các nội dung chi còn lại hủy	727.567.300
22.8	***Trung tâm Điều dưỡng tâm thần kinh***	***1.184.703.588***
	Các nội dung chi còn lại hủy	1.184.703.588
23	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**2.731.765.293**
23.1	***Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo***	***1.622.537.800***
	Các nội dung chi còn lại hủy	1.622.537.800
23.2	***Trường THPT Văn Lâm***	***72.870.500***
	Các nội dung chi còn lại hủy	72.870.500
23.3	***Trường THPT Trưng Vương***	***43.718.709***
	Các nội dung chi còn lại hủy	43.718.709
23.4	***Trường THPT Mỹ Hào***	***51.179.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	51.179.000
23.5	***Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật***	***12.491.479***
	Các nội dung chi còn lại hủy	12.491.479
23.6	***Trường THPT Yên Mỹ***	***52.123.200***
	Các nội dung chi còn lại hủy	52.123.200
23.7	***Trường THPT Triệu Quang Phục***	***29.011.500***
	Các nội dung chi còn lại hủy	29.011.500
23.8	***Trường THPT Minh Châu***	***75.527.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	75.527.000
23.9	***Trường THPT Văn Giang***	***15.115.500***
	Các nội dung chi còn lại hủy	15.115.500
23.10	***Trường THPT Dương Quảng Hàm***	***60.207.200***
	Các nội dung chi còn lại hủy	60.207.200
23.11	***Trường THPT Trần Quang Khải***	***41.863.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	41.863.000

23.12	***Trường THPT Nguyễn Siêu***	***54.015.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	54.015.000
23.13	***Trường THPT Kim Động***	***123.157.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	123.157.000
23.14	***Trường THPT Đức Hợp***	***28.798.500***
	Các nội dung chi còn lại hủy	28.798.500
23.15	***Trường THPT Nghĩa Dân***	***37.663.005***
	Các nội dung chi còn lại hủy	37.663.005
23.16	***Trường THPT Ân Thi***	***35.543.700***
	Các nội dung chi còn lại hủy	35.543.700
23.17	***Trường THPT Nguyễn Trung Ngạn***	***6.700.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	6.700.000
23.18	***Trường THPT Phạm Ngũ Lão***	***36.301.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	36.301.000
23.19	***Trường THPT Phù Cừ***	***89.923.350***
	Các nội dung chi còn lại hủy	89.923.350
23.20	***Trường THPT Nam Phù Cừ***	***61.982.500***
	Các nội dung chi còn lại hủy	61.982.500
23.21	***Trường THPT Tiên Lữ***	***34.580.500***
	Các nội dung chi còn lại hủy	34.580.500
23.22	***Trường THPT Trần Hưng Đạo***	***81.902.100***
	Các nội dung chi còn lại hủy	81.902.100
23.23	***Trường THPT Hưng Yên***	***54.753.750***
	Các nội dung chi còn lại hủy	54.753.750
23.24	***Trường THPT chuyên Hưng Yên***	***9.800.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	9.800.000
24	**Sở Tài nguyên - Môi trường**	**3.191.851.864**
24.1	***Cơ quan Sở Tài nguyên - Môi trường***	***2.487.345.563***
	- Các nội dung chi còn lại hủy	2.487.345.563
24.2	***Chi cục Quản lý đất đai***	***457.339.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	457.339.000
24.3	***Văn phòng Đăng ký đất đai***	***247.157.301***
	Các nội dung chi còn lại hủy	247.157.301
24.4	***Quỹ bảo vệ môi trường***	***10.000***
	Các nội dung chi còn lại hủy	10.000
25	**Hội Nông dân**	**315.685.655**
	Các nội dung còn lại hủy	315.685.655
26	**Hội nhà báo**	**209.483.500**
	Các nội dung còn lại hủy	209.483.500
27	**Hội người mù**	**331.344.000**
	Các nội dung còn lại hủy	331.344.000
28	**Ban đại diện hội NCT**	**10.000**
	Các nội dung còn lại hủy	10.000
29	**Hội Đông y**	**15.327.955**
	Các nội dung còn lại hủy	15.327.955
30	**Hội Chữ thập đỏ**	**12.984.800**
	Các nội dung còn lại hủy	12.984.800

31	**Hội văn học nghệ thuật**	**4.211.600**
	Các nội dung còn lại hủy	4.211.600
32	**Hội cựu chiến binh**	**34.080.000**
	Các nội dung còn lại hủy	34.080.000
33	**Sở Tư pháp**	**427.887.998**
33.1	***Cơ quan Sở Tư pháp***	***426.787.998***
	Các nội dung còn lại hủy	426.787.998
33.2	***Trung tâm trợ giúp pháp lý***	***1.100.000***
	Các nội dung còn lại hủy	1.100.000
34	**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	**2.955.360.993**
34.1	***Cơ quan Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch***	***977.708.165***
	Các nội dung còn lại hủy	977.708.165
34.2	***Thư viện tỉnh***	***88.179***
	Các nội dung còn lại hủy	88.179
34.3	***Trung tâm văn hóa tỉnh***	***10.126.000***
	Các nội dung còn lại hủy	10.126.000
34.4	***Nhà hát chèo***	***100.850.000***
	Các nội dung còn lại hủy	100.850.000
34.5	***Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng***	***2.660.100***
	Các nội dung còn lại hủy	2.660.100
34.6	***Bảo tàng tỉnh***	***5.891.000***
	Các nội dung còn lại hủy	5.891.000
34.7	***Ban quản lý di tích và danh thắng***	***70.000***
	Các nội dung còn lại hủy	70.000
34.8	***Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao***	***1.857.967.549***
	Các nội dung còn lại hủy	1.857.967.549